

CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA XỨ ỦY NAM BỘ (1945 - 1951)

PGS, TS TRẦN TRỌNG THƠ

TS ĐOÀN THỊ HƯƠNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Là cấp ủy đảng cao nhất, chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng ở Nam Bộ, trong những năm 1946-1951, Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo tốt công tác dân vận, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

1. Xứ ủy Nam Bộ quán triệt quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ động, sáng tạo để ra những biện pháp về công tác dân vận sát hợp với điều kiện kháng chiến ở Nam Bộ

Ngay từ đầu kháng chiến, Xứ ủy Nam Bộ đã xác định công tác dân vận là một trong những nhiệm vụ hết sức cấp thiết. Quán triệt đường lối kháng chiến của Đảng, thấm nhuần tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân vận và công tác dân vận: “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho”, “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”¹, xuất phát từ đặc điểm, tình hình và yêu cầu của cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, Xứ ủy Nam Bộ đã lãnh đạo công tác dân vận ở Nam Bộ sáng tạo và hiệu quả.

Xuất phát từ những đặc điểm của cách mạng Nam Bộ, Xứ ủy xác định công tác dân vận cần chú ý những đặc điểm riêng của Nam Bộ. Công tác dân vận phải tiến hành theo phương châm sâu sát thực tiễn và là nhiệm vụ chung của nhiều

ngành, cấp, nhiều đoàn thể. Đối với mỗi tầng lớp, giai cấp có những yêu cầu khác nhau, do đó, cần phải đi sâu, đi sát để tìm ra tiếng nói chung có lợi cho cách mạng. Công tác dân vận không chỉ là nhiệm vụ của Đảng mà là trách nhiệm của tất cả các đoàn thể: công nhân, nông dân, phụ nữ, công giáo, Cao Đài, Giải Liên, HUHI (Thiếu số vận - Hội ủng hộ Issarak), Đảng Dân chủ².

Để giúp Xứ ủy lãnh đạo toàn diện công tác dân vận kháng chiến, từ năm 1947, Xứ ủy Nam Bộ bố trí cán bộ phụ trách công tác dân vận và không ngừng tổ chức, củng cố Ban Dân vận³, lập các tiểu ban vận động các giới quần chúng⁴ như Công vận, Nông vận, Thanh vận, Phụ vận, Tôn giáo vận (bao gồm Cao Đài vận, Hòa Hảo vận, Công giáo vận), Hoa vận, Khmer vận. Theo đó, hệ thống Ban Dân vận cùng các tiểu ban từng bước được xây dựng, kiện toàn từ cấp xứ, khu, tỉnh và quận/huyện, ở thôn xã có cán bộ phụ trách⁵. Đầu năm 1949, Ban Dân vận Xứ ủy Nam Bộ được Trung ương cử cán bộ vào tăng cường. Xứ ủy phân công đồng chí Trần Quang Lê làm Trưởng Ban Dân vận⁶.

Đặc biệt, ở Nam Bộ, dân vận không chỉ là nhiệm vụ của các cấp ủy, của tổ chức đảng, chính quyền, của cơ quan chuyên môn hay các đoàn thể

quần chúng trong Mặt trận dân tộc thống nhất mà còn là một công tác quan trọng của lực lượng vũ trang cách mạng. Khác với Bắc Bộ và Trung Bộ, lực lượng vũ trang Nam Bộ hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, thành phần và khuynh hướng chính trị rất phức tạp. Do đó, Xứ ủy Nam Bộ đặt công tác dân vận là một nhiệm vụ quan trọng của lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy, sự chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến hành chính và sự chỉ huy của các quân khu 7, 8, 9.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy về việc lập các đội vũ trang tuyên truyền, Khu 7 đã tổ chức các đội VT3 làm nhiệm vụ tuyên truyền, giải thích trong nhân dân, giúp nhân dân hiểu rõ bộ đội vì nhân dân mà chiến đấu. Đồng thời tăng cường các hoạt động quân sự, tổ chức đánh địch ở những nơi chúng khủng bố, càn quét dữ dội, bảo vệ tính mạng, tài sản và củng cố lòng tin của nhân dân. Từ đó, nhân dân tin tưởng bộ đội, giúp đỡ bộ đội và sẵn sàng cho con em gia nhập lực lượng vũ trang cách mạng, đóng góp mua sắm trang bị vũ khí và nuôi quân, tích cực tham gia kháng chiến. Hình thức vũ trang tuyên truyền luồn sâu vào vùng địch chiếm đóng ngày càng phát huy vai trò và hiệu quả tích cực; tạo đà để lực lượng vũ trang dựa vào dân, củng cố, phát triển lực lượng.

Phong trào kháng chiến ở Nam Bộ càng phát triển càng đòi hỏi nâng cao chất lượng công tác dân vận và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác này. Ngày 1-2-1949, Thường vụ Trung ương Đảng ra Nghị quyết về công tác vận động nhân dân Nam Bộ nêu rõ: “Công tác vận động nhân dân của Đảng là phải củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất”. Theo đó, phải làm cho Đảng có cơ sở sâu rộng trong quần chúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng trong các tổ chức quần chúng, nhất là trong Đảng Dân chủ, Liên đoàn Công giáo, Nam thanh đoàn...; phải củng cố sự đoàn kết và thống nhất của Mặt trận Dân tộc thống nhất; thực hiện thống nhất

Việt Minh-Liên Việt; đặc biệt chú ý phát triển các tổ chức cứu quốc và công đoàn; đẩy mạnh công tác Hoa vận, phổ biến công tác phòng gian bảo mật trong các đoàn thể và nhân dân... Tất cả đều nhằm “xây dựng một mặt trận dân tộc thống nhất thật rộng rãi vững chắc để kháng chiến kiến quốc. Để cho các tổ chức quần chúng được tự do phát triển hết khả năng kháng chiến của họ, nhưng Đảng phải giữ được vai trò lãnh đạo”⁷⁷.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Trung ương Đảng về công tác vận động nhân dân ở Nam Bộ, Xứ ủy Nam Bộ đẩy mạnh các mặt hoạt động của công tác dân vận. Từ cuối năm 1949 đến tháng 4-1950, Xứ ủy Nam Bộ tiến hành kiểm tra công tác dân vận ở các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ, đồng thời triển khai công tác những định hướng mới của Trung ương.

Tháng 10-1950, Xứ ủy triệu tập Hội nghị tổng kết công tác dân vận-mặt trận Nam Bộ. Thành phần hội nghị gồm các đại biểu đoàn thể cấp Nam Bộ, Ban Dân vận-Mặt trận Nam Bộ, Ban Tuyên huấn Xứ ủy, các Bí thư Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách dân vận- mặt trận. Hội nghị do đồng chí Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Kinh chủ trì và chỉ đạo... Hội nghị đã tổng kết hoạt động của công tác dân vận - mặt trận và các đoàn thể từ năm 1946 đến năm 1950; khẳng định những kết quả tích cực của Nam Bộ trong công tác vận động nhân dân đoàn kết, thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, nhất định thắng lợi; tăng cường đẩy mạnh công tác dân vận-mặt trận và một số vấn đề triển khai đường lối dân vận trong giai đoạn chuyển sang tổng phản công. Có thể đưa vào chỗ nào phần kết quả không?

2. Một số thành tựu và hạn chế trong công tác dân vận của Xứ ủy Nam Bộ

Với tinh thần chủ động, vận dụng sáng tạo, Xứ ủy đã lãnh đạo các địa phương thực hiện công tác

dân vận với nhiều hình thức phong phú, ở cả vùng tự do và vùng tạm bị chiếm, thu được những kết quả nổi bật.

Một là, công tác vận động nông dân tham gia kháng chiến được Xứ ủy Nam Bộ đặt lên hàng đầu.

Căn cứ những đặc điểm cụ thể của Nam Bộ, Xứ ủy đặt lên hàng đầu công tác vận động nông dân. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy, nhấn mạnh: Nông dân Nam Bộ rất gắn bó với chế độ, họ không phải là hậu bị quân cách mạng, mà họ chính là chủ lực quân của cách mạng. Trong vùng căn cứ, công tác dân vận được tiến hành nhằm vận động nông dân thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Xứ ủy Nam Bộ rất coi trọng vai trò của Nông hội. Trong kháng chiến, vai trò của Nông hội ngày càng được khẳng định, nhất là trong sản xuất, giúp đỡ nhau xây dựng cuộc sống.

Ở vùng tự do, việc thực hiện thành công chính sách ruộng đất có vai trò rất quan trọng của công tác dân vận⁸. Cùng với việc phát huy vai trò chủ động tích cực của Nông hội trong thực hiện tạm cấp ruộng đất của đế quốc, Việt gian, ruộng đất của địa chủ bỏ vào thành, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương kiên trì vận động địa chủ giảm tô 25% (có nơi 50%), lập Ban Vận động điền chủ, vận động các địa chủ trong vùng kháng chiến tự nguyện hiến ruộng đất. Chủ trương và sự chỉ đạo của Xứ ủy đã mở ra phong trào “hiến điền” trong suốt cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Thành công này là một sáng tạo của Xứ ủy Nam Bộ trong thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng với mục tiêu đoàn kết dân tộc là ưu tiên hàng đầu, góp phần xây dựng nền kinh tế kháng chiến. Đó cũng là thành công nổi bật của công tác dân vận do Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo, góp phần vào những thắng lợi của nhân dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Hai là, Xứ ủy Nam Bộ luôn chú trọng công tác vận động các tôn giáo ủng hộ kháng chiến.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác vận động tôn giáo, Xứ ủy Nam Bộ rất coi trọng việc vận động các tôn giáo tham gia, ủng hộ kháng chiến. Các tôn giáo ở Nam Bộ rất phong phú, ngoài Phật giáo và Thiên chúa giáo, còn có đạo Cao Đài, Hòa Hảo, Tứ ân hiếu nghĩa, Tịnh độ cư sĩ..., đa phần tín đồ là dân nghèo, có lòng yêu nước. Xứ ủy chủ trương khai thác mặt yêu nước, tích cực của các tôn giáo, vận động giáo dân tham gia, đóng góp và ủng hộ kháng chiến của cả dân tộc.

Cuối năm 1946, Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ được thành lập, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt là Chánh Hội trưởng; tổ chức gây dựng các hoạt động kháng chiến của tín đồ Phật giáo diễn ra ở khắp vùng tự do và vùng tạm chiếm. Đến năm 1949, Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ tuyên bố tự giải thể vì hầu hết các hội viên Phật giáo cứu quốc đều là thành viên của các đoàn thể, hội trong Mặt trận Việt Minh hoặc trong các tổ chức quần chúng kháng chiến, hoặc tham gia Hội Liên Việt theo chủ trương chung của Đảng.

Đối với đồng bào các tôn giáo Cao Đài, Phật giáo, Hòa Hảo, Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền địa phương, cán bộ dân vận, tôn giáo vận phân biệt rõ đối tượng, có phương pháp thích hợp⁹. Với đồng bào Cao Đài, Hòa Hảo làm lạc, chủ yếu dùng biện pháp thuyết phục, tuyên truyền để lôi kéo họ về với kháng chiến, về với Tổ quốc, với dân tộc, thực hiện khẩu hiệu “người Việt không hại người Việt” và có chính sách khoan hồng với những người lạc lối trở về. Đối với Cao Đài kháng chiến, Xứ ủy tuyên bố rõ lập trường quan điểm và thực hiện ủng hộ tổ chức Cao Đài cứu quốc 12 phái hiệp nhất đến quận, thôn, giúp xây dựng Hội thánh chăm lo về tín ngưỡng. Các tín đồ Cao Đài vừa hoạt động trong các đoàn thể cứu quốc vừa sinh hoạt tôn giáo bình thường.

Ngày 14 đến ngày 17-10-1947, tại Đờng Tháp Mười, Xứ ủy Nam Bộ tổ chức Lễ thành lập Hội

Cao Đài cứu quốc 12 phái hiệp nhất do ông Cao Triều Phát làm Chủ tịch, hai ông Nguyễn Ngọc Nhựt và Nguyễn Văn Khảm làm Phó Chủ tịch. Ghi nhận những đóng góp của đồng bào Cao Đài vào khối đoàn kết dân tộc vì kháng chiến, năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào Cao Đài và Hòa Hào, Người đã viết: “phái Cao Đài do cụ Cao Triều Phát lãnh đạo đã luôn luôn cùng đồng bào toàn quốc hăng hái kháng chiến. Tổ quốc và Chính phủ sẽ ghi nhớ công những người con trung thành”¹⁰.

Xứ ủy Nam Bộ đã vận động đồng bào Công giáo thực hiện chủ trương đoàn kết, tránh để địch lợi dụng lôi kéo đồng bào chống lại kháng chiến; tôn trọng tín ngưỡng, không xâm phạm ruộng đất, tài sản của nhà thờ; đề cao và vận động giáo dân thực hiện khẩu hiệu “Vì chúa, vì Tổ quốc”, ủng hộ mặt trận kháng chiến, chính phủ kháng chiến. Giáo dân được tự do gia nhập Liên đoàn Công giáo và các hội cứu quốc. Tại chiến khu Đồng Tháp Mười, Hội Công giáo kháng chiến và Thanh niên Công giáo, Phụ nữ Công giáo được thành lập, tập hợp, vận động giáo dân tham gia kháng chiến...

Đặc biệt, công tác vận động trí thức tôn giáo tham gia kháng chiến là một nét đặc sắc và thành công ở Nam Bộ. Các linh mục ra bưng biển kháng chiến từ rất sớm như ba anh em linh mục Nguyễn Bá Kính, Nguyễn Bá Luật, Nguyễn Bá Sang. Tiêu biểu cho các trí thức công giáo tham gia vào các cơ quan lãnh đạo kháng chiến, đóng góp lớn cho kháng chiến như các luật sư Thái Văn Lung (Đại biểu Quốc hội khóa I), luật sư Phạm Ngọc Thuần (Chính trị viên Bộ Tư lệnh Nam Bộ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam Bộ), luật sư Nguyễn Thành Vĩnh (Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, Giám đốc Sở Tài chính Nam Bộ)... Trong vùng tạm chiếm, linh mục Nguyễn Văn Huy, Phó Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh Cần Thơ, năm 1948 đã động viên nhiều đồng bào Công giáo

tham gia kháng chiến, điển hình là cuộc nổi dậy phá Khu tự trị Công giáo Thời Lai ở Ô Môn v.v.

Ba là, coi trọng công tác công vận, nhất là vận động công nhân nội thành, vùng địch chiếm đóng, kiểm soát.

Trong năm đầu kháng chiến, hầu hết công nhân Nam Bộ tham gia chiến đấu trong hàng ngũ bộ đội, dân quân nên hoạt động đấu tranh của công nhân hòa vào bộ đội và dân quân. Sau khi quân đội Pháp đánh rộng ra Nam Bộ, chiếm đóng các thành phố, phong trào công nhân tại các đô thị gặp khó khăn. Tại Sài Gòn, do quân đội Pháp tăng cường đánh phá, cài cắm gián điệp vào nội bộ tổ chức công đoàn để lũng đoạn tổ chức, theo dõi, bắt bớ cán bộ..., phong trào công nhân ở các công xưởng Sài Gòn giảm xuống. Mặt khác, các tổ chức công đoàn cũng chỉ mới lập được trong giới kháng chiến, công tác kháng chiến chủ yếu là giúp đỡ kháng chiến ngoại thị, công tác kháng chiến trong nội thành chưa được chú trọng, chưa có phương pháp giữ gìn và củng cố cơ sở. Bên cạnh đó, do lo ngại tổ chức công đoàn đã bị mật thám Pháp lũng đoạn, những cán bộ phụ trách công đoàn thành phố có chủ trương rút hết cán bộ khỏi tổ chức công đoàn trong nội thành, làm cho công đoàn và phong trào công nhân càng thêm khó khăn, mất cán bộ, nhiều nơi trắng cơ sở. Tại nhiều đô thị khác, tổ chức công đoàn cũng chưa đáp ứng yêu cầu của phong trào công nhân trong điều kiện “chiến tranh mật thám”, lực lượng cán bộ thiếu do quân Pháp liên tục bắt bớ, đánh mạnh vào cán bộ kháng chiến. Chỉ riêng tỉnh Gia Định, trong một năm, hơn 500 cán bộ chính quyền, hơn 100 cán bộ đoàn thể bị địch giết hại¹¹.

Trước tình hình phong trào và hiệu quả đấu tranh của công nhân, nhất là trong nội thành giảm sút, tổ chức công đoàn bị lũng đoạn, gây ảnh hưởng tiêu cực phong trào đấu tranh của công nhân, vai trò tập hợp lực lượng kháng chiến của

công đoàn bị suy giảm, Xứ ủy Nam Bộ chỉ đạo các cấp ủy phải chú ý nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của phong trào công nhân ở Nam Bộ. “Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ bắt đầu mở ra được là nhờ lực lượng công nhân trong phong trào Thanh niên Tiền phong, bộ đội Tổng công đoàn, trong bộ đội Bình Xuyên, trong các trung đoàn khác, chi đội 11, 13”¹².

Xứ ủy chủ trương bổ sung cán bộ, bí mật đưa cán bộ có năng lực và kinh nghiệm vào nội thành, vận động công nhân, xây dựng lại tổ chức công đoàn nội thành, từng bước nắm lại nghiệp đoàn và xóc dậy phong trào đấu tranh của công nhân. Sau một thời gian hoạt động, cơ sở công nhân nội thành Sài Gòn, Chợ Lớn đã được củng cố, tinh thần cách mạng bước đầu được phục hồi; phong trào đấu tranh của công nhân đã vực dậy được và ngày càng phát triển.

Bốn là, vận động các giới với tinh thần không để một ai đứng ngoài cuộc kháng chiến.

Công tác vận động các giới được Xứ ủy Nam Bộ lãnh đạo nhằm thu hút, tập hợp tối đa lực lượng, đoàn kết xung quanh mặt trận dân tộc thống nhất và thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng Cộng sản. Đối với các đoàn thể thanh niên, Xứ ủy quyết định duy trì cả hai tổ chức: Đoàn thanh niên XHCN và Đoàn Thanh niên dân chủ vì điều là thành viên của Thanh niên Việt Nam, nhằm thu hút rộng rãi thanh niên vào cuộc kháng chiến toàn dân ở Nam Bộ. Ở Nam Bộ tồn tại nhiều hình thức hội phụ nữ khác nhau, nhưng chủ yếu là Phụ nữ cứu quốc và Phụ nữ dân chủ. Do yêu cầu đoàn kết kháng chiến, Xứ ủy chủ trương vận động tiến tới hợp nhất hai tổ chức trong hình thức Hội Phụ nữ liên hiệp. Chị em đã phát huy mạnh mẽ vai trò tích cực trong nhiều mặt của cuộc kháng chiến. Trong đó, vận động gia đình binh lính trong hàng ngũ quân đội chính quyền Bảo Đại có tác động nhất định, kêu gọi con em không đi lính cho Pháp, bỏ

ngũ trở về hoặc làm nhân mối, cơ sở hoạt động nội tuyến cho cách mạng.

Trong những năm 1946-1951, Xứ ủy Nam Bộ đã lãnh đạo công tác dân vận trên địa bàn được phân công phụ trách một cách chủ động và sáng tạo trên cơ sở tuân thủ và vận dụng quan điểm, chủ trương của Đảng, và Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân vận và công tác dân vận.

Những thành công nổi bật trong công tác dân vận của Đảng bộ và Xứ ủy Nam Bộ được Thường vụ Trung ương Đảng ghi nhận: “Trong công tác vận động nhân dân, các cấp ủy Đảng Nam Bộ có ưu điểm là đã hướng trọng tâm vào kháng chiến. Nhân dân Nam Bộ, nói chung có một sự tin tưởng vững vàng vào kháng chiến, nên phong trào rất mạnh mẽ... Công tác vận động trong vùng địch tạm chiếm có kết quả, nhất là phong trào công nhân”¹³.

Trong quá trình thực hiện chủ trương của Xứ ủy, công tác vận động quần chúng ở các địa phương Nam Bộ còn những hạn chế, khuyết điểm, cả về xây dựng bộ máy làm công tác dân vận và tổ chức thực hiện. Tại các địa bàn do địch kiểm soát, Xứ ủy chủ trương tổ chức các ban dân vận và tiểu ban vận động các giới theo hình thức bí mật là chủ yếu, nhưng có địa phương nóng vội, tổ chức công khai, có cả đảng đoàn và các đoàn thể, dễ bộc lộ lực lượng. Tại khu vực nội thành Sài Gòn, địch kiểm soát chặt, cài cắm mật thám trong công nhân, một số cán bộ có nhận thức sai lầm về tổ chức công đoàn và vận động phong trào công nhân nội thành, nên trong một thời gian, phong trào công nhân nội thành Sài Gòn sa sút. Công tác vận động đồng bào tôn giáo (Cao Đài, Hòa Hảo), đồng bào dân tộc cũng còn vướng mắc, ảnh hưởng đến khối đoàn kết kháng chiến. Trong điều kiện kháng chiến, đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận và vận động quần chúng ở các cấp chưa kịp thời kiện toàn và thiếu đồng bộ. Có những địa phương, thiếu cán bộ, cán bộ dân vận chưa đi sát địa bàn nên chưa đẩy mạnh

được phong trào. Các hiện tượng này được Xứ ủy phát hiện và chấn chỉnh, hướng công tác dân vận đảm trách tốt nhiệm vụ “vận động toàn dân đi vào con đường cứu quốc chung và lý tưởng”, củng cố khối đại đoàn kết rộng rãi trong Mặt trận dân tộc thống nhất, thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến kiến quốc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Nam Bộ.

Công tác dân vận của Xứ ủy Nam Bộ trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã để lại nhiều kinh nghiệm quý. Đó là công tác dân vận phải sát hợp với địa bàn, đối tượng, có phương pháp phù hợp; Các cấp ủy đảng phải nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác dân vận, có sự lãnh đạo, chỉ đạo chủ động, sáng tạo, kịp thời cả về tổ chức, cán bộ và triển khai nhiệm vụ; Công tác dân vận phải được tiến hành toàn diện, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, của lực lượng vũ trang; Bảo đảm và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ, trong sạch và gắn bó mật thiết với nhân dân.

Công tác dân vận của Xứ ủy Nam Bộ những năm 1945-1951 đã đạt được một số thành tựu quan trọng, những kinh nghiệm về công tác dân vận được đúc rút có giá trị lý luận và thực tiễn để Trung ương Cục tiếp tục chỉ đạo cách mạng miền Nam trong những năm tiếp theo.

Nam”, năm 1949, khi đồng chí Lê Đức Thọ vào Nam Bộ, mới chính thức thành lập Ban Dân vận Xứ ủy. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

4. Trong nhiều văn bản, báo cáo của khu, của cấp Nam Bộ gọi tiểu ban là Ban

5. Năm 1948, Ban Dân vận tỉnh Cần Thơ được thành lập (4-6-1948) và có các tiểu ban Thanh niên, Phụ nữ, Nhân dân. Tỉnh Sóc Trăng lập Ban Dân vận công khai và các đoàn thể. Tỉnh Bạc Liêu tổ chức Ban Dân vận ở tỉnh và hai quận. Châu Đốc Hậu đã lập được Ban Thanh vận nhưng chưa lập được Ban Dân vận. Tỉnh Long Xuyên, Ban Dân vận do Việt Minh lãnh đạo

6. Năm 1948, Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Quốc phòng đã cử đoàn công tác vào Nam Bộ, bổ sung nguồn cán bộ lãnh đạo cấp cao cho Nam Bộ. Đầu năm 1949, đoàn vào đến căn cứ Xứ ủy. Riêng bộ phận đồng chí Trần Quang Lê đến căn cứ vào tháng 6. Theo “Hồi ký của đồng chí Trần Quang Lê”. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng

7, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2001, T.10, tr.183, 178

8. Do đặc điểm giai cấp và tình hình ruộng đất ở Nam Bộ, chính sách ruộng đất thực hiện ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp xâm lược chủ yếu là các hình thức tạm cấp, giảm tô, vận động “hiến điền”, thực hiện người cày có ruộng trên tinh thần đại đoàn kết dân tộc, hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến làm mục tiêu tối thượng, Nam Bộ không diễn ra cải cách ruộng đất quyết liệt như ở Bắc Bộ và Trung Bộ

9. Lực lượng Cao Đài phản động với chính sách “tam quang” phá sạch, đốt sạch, giết sạch, đã gây rất nhiều tổn thất, khó khăn trở ngại cho phong trào kháng chiến trên địa bàn các tỉnh Tây Ninh, Cần Thơ... thì phải cương quyết trừng trị

10. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 516

11, 12. Xứ ủy Nam Bộ: “Báo cáo phân tích tình hình chung Nam Bộ năm 1949”. Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 6, tr. 232-234

2. Xem Trần Quang Lê: “Vài kỷ niệm về anh Sáu Thọ”, in trong cuốn *Nhớ về anh Lê Đức Thọ*, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 301

3. Theo “Hồi ký của đồng chí Lê Toàn Thư về giải thể Xứ ủy Nam Bộ và thành lập Trung ương Cục miền